

THỰC TRẠNG TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG Ở MỘT SỐ DÂN TỘC THIỂU SỐ VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC (NGHIÊN CỨU TẠI HAI TỈNH ĐIỆN BIÊN VÀ HÀ GIANG)¹

TS. Trần Thị Hồng Yến

Viện Dân tộc học

Email: tranchucyen@yahoo.com

Tóm tắt: Vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc địa bàn hai tỉnh Điện Biên và Hà Giang có nhiều dân tộc sinh sống, trong đó người Hmông và người Dao chiếm số đông. Từ lâu đời nay, các dân tộc sống dọc biên giới vẫn giữ tín ngưỡng truyền thống, tạo nên bản sắc văn hóa đặc trưng tộc người. Từ năm 1986 đến nay, Tin Lành và một số “đạo lạ” đã du nhập vào vùng đất này, gây ra những xáo trộn trong đời sống người dân. Bài viết phân tích một số đặc điểm về vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc liên quan và chỉ ra thực trạng biến đổi tôn giáo, tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số vùng biên giới hai tỉnh Điện Biên và Hà Giang từ 1986 đến nay.

Từ khóa: Tôn giáo, tín ngưỡng, dân tộc thiểu số, biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

Abstract: The Vietnam - China border areas belonging to the two provinces of Dien Bien and Ha Giang have many ethnic groups, in which the Hmong and the Dao make up the majority. For a long time, these ethnic groups living along the border have kept their traditional beliefs, which created their unique cultural identity. Since 1986, Protestantism and some "strange religions" have been introduced into these lands, causing disturbances in people's lives. The article analyses some characteristics of the related Vietnam - China border areas and points out the reality of changing religious beliefs of in the ethnic minorities border areas of two provinces of Dien Bien and Ha Giang since 1986.

Keywords: Religion, belief, ethnic minorities, Vietnam - China border.

Ngày nhận bài: 1/7/2022; ngày gửi phản biện: 4/7/2022; ngày duyệt đăng: 7/8/2022.

Mở đầu

Tôn giáo, tín ngưỡng không chỉ là một thành tố cốt lõi góp phần tạo nên bản sắc văn hóa tộc người mà còn tác động đến các vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng,... Trên thực tế, sự chuyển đổi tôn giáo, tín ngưỡng sang đạo Tin Lành và các hiện

¹ Bài viết là kết quả của đề tài khoa học cấp Bộ “Biến đổi tín ngưỡng truyền thống của dân tộc Hmông, Dao ở vùng biên giới tỉnh Hà Giang” do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Trịnh Thị Lan làm chủ nhiệm năm 2021-2022.

tượng tôn giáo mới ở một bộ phận người Hmông, người Dao và một số tộc người khác ở vùng miền núi phía Bắc không chỉ là sự thay đổi về tín ngưỡng, tâm linh gắn với thế giới quan mới, mà còn tác động đến các vấn đề an ninh chính trị - xã hội. Bài viết này phân tích một số đặc điểm về vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc liên quan đến sự biến đổi về tôn giáo, tín ngưỡng từ 1986 đến nay, đồng thời chỉ ra thực trạng biến đổi tôn giáo, tín ngưỡng của một số dân tộc thiểu số ở vùng biên giới hai tỉnh Điện Biên và Hà Giang. Các thông tin của bài viết dựa trên kết quả nghiên cứu của tác giả từ năm 2015 đến 2022. Tại tỉnh Hà Giang, địa bàn nghiên cứu là các xã Sủng Máng, Xín Cái, Thượng Phùng (huyện Mèo Vạc), Thắng Mố, Phú Lũng (huyện Yên Minh); tại tỉnh Điện Biên, nghiên cứu được thực hiện ở huyện Mường Nhé.

1. Địa bàn nghiên cứu

Hai tỉnh Điện Biên và Hà Giang có đường biên giới dài, địa hình phức tạp, núi non hiểm trở, có nhiều cửa khẩu và đường mòn, lối mở với Trung Quốc. Điện Biên là tỉnh duy nhất của Việt Nam có chung đường biên giới với hai quốc gia là Lào và Trung Quốc, với 455,573 km (Lào là 414,712 km và Trung Quốc là 40,861 km). Cửa khẩu A Pa Chải ở xã Sín Thầu (huyện Mường Nhé) đối diện với cửa khẩu Long Phú tỉnh Vân Nam, Trung Quốc (Tỉnh ủy Điện Biên, 2020b). Tỉnh Hà Giang có đường biên giới với Trung Quốc dài 277,566 km, tiếp giáp với 3 huyện (Mã Quan, Ma Ly Pho, Phú Ninh của tỉnh Vân Nam và một phần huyện Nà Pô, Khu tự trị dân tộc Choang thuộc tỉnh Quảng Tây. Tỉnh có cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy; 03 cửa khẩu phụ (Săm Pun, Phó Bảng, Xín Mần) và 11 lối mở với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc (Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Giang, 2016a). Tại hai tỉnh này, các DTTS chiếm tỷ lệ dân số đông, hộ nghèo vẫn ở mức cao. Điện Biên có 19 dân tộc, DTTS chiếm 80% dân số, trong đó hai dân tộc đông nhất là Thái 38,1% và Hmông 34,8%. Năm 2019, tỷ lệ nghèo chung toàn tỉnh là 33,05%, cận nghèo là 9,77%, riêng tỷ lệ hộ nghèo các DTTS là 98,9% (UBND tỉnh Điện Biên, 2020). Mường Nhé là huyện đặc biệt khó khăn, nghèo nhất trong 62 huyện nghèo của cả nước, người Hmông chiếm hơn 70% dân số toàn huyện (UBND huyện Mường Nhé, 2020). Hà Giang có 19 dân tộc, DTTS chiếm trên 87,7% dân số toàn tỉnh, trong đó người Hmông đông nhất 34,46%, tiếp đến là Tày 22,43%, Dao 14,82%,... Tỷ lệ nghèo chung toàn tỉnh năm 2021 là 42,08% (Ban Dân tộc tỉnh Hà Giang, 2022).

Tại tỉnh Điện Biên, Tin Lành chiếm ưu thế so với các tôn giáo khác (94,47% số tín đồ tôn giáo trong tỉnh), tín đồ chủ yếu là người Hmông (97,52%). Huyện Mường Nhé có 3.414 hộ với 20.235 tín đồ theo Tin Lành, các tín đồ chủ yếu là người Hmông di cư (Tỉnh ủy Điện Biên, 2020a). Tương tự như vậy, ở Hà Giang, Tin Lành có 23.996 tín đồ/29.862 tổng số tín đồ tôn giáo của tỉnh (chiếm 80,36%), chủ yếu là dân tộc Hmông. Trong 123 thôn ở khu vực biên giới có 582 hộ với 3.792 khẩu theo các tôn giáo khác nhau, chủ yếu là Tin Lành với 502 hộ/3.503 khẩu (Tọa đàm giữa đoàn cán bộ của Viện Dân tộc học và Sở Nội vụ tỉnh Hà Giang, tháng 3/2022).

Vào những năm 90 của thế kỷ XX, một bộ phận người Hmông theo Tin Lành từ khắp các tỉnh miền núi phía Bắc như Lai Châu, Sơn La, Lào Cai, Hà Giang... đã di cư đến huyện Mường Nhé (tỉnh Điện Biên). Họ di cư đến vùng đất mới này vì mâu thuẫn trong nội bộ gia đình, dòng họ và với chính quyền địa phương do theo Tin Lành. Còn ở vùng biên giới tỉnh Hà Giang, người Hmông và người Dao đều chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc chiến tranh xâm lược do Trung Quốc gây ra. Từ năm 1983 đến năm 1990, các hoạt động chống phá của Trung Quốc vẫn diễn ra ác liệt, nên người Hmông, người Dao ở các xã biên giới bao gồm cả thầy mo, thầy cúng phải di tản sâu xuống vùng dưới. Sau khi chiến tranh kết thúc, người dân trở về quê cũ gặp rất nhiều khó khăn để xây dựng lại cuộc sống, đặc biệt, những người là thầy mo, thầy cúng thiếu hụt nghiêm trọng. Sau những biến cố trong lịch sử, người Hmông và người Dao từ Trung Quốc di cư sang Việt Nam, Lào, Myanmar và Đông Bắc Thái Lan. Do đó, phần lớn người Hmông, người Dao ở các tỉnh biên giới trong đó có Điện Biên và Hà Giang đều có mối quan hệ với đồng tộc ở Trung Quốc. Sau năm 1975, từ các nước này, người Hmông lại di cư sang các nước khác, nhất là Tây Âu và Bắc Mỹ. Vì thế, một bộ phận người Hmông ở Việt Nam hiện nay có mối quan hệ với đồng tộc ở nhiều quốc gia, khu vực.

Hà Giang là một trong những tỉnh khó khăn nhất của cả nước, trình độ học vấn và nhận thức của người dân các DTTS trong tỉnh, đặc biệt ở khu vực biên giới còn những hạn chế nhất định. Ví dụ như ở thôn Sùng Ú của người Dao, phần lớn người từ tuổi trung niên trở lên không biết chữ phổ thông. Cụ thể, thôn có 23 hộ thì có tới 11 chủ hộ chưa từng đi học; 2 chủ hộ trình độ 2/12; 2 chủ hộ trình độ 3/12; 3 chủ hộ trình độ 4/12; 2 chủ hộ trình độ 5/12; 1 chủ hộ trình độ 7/12, và 2 chủ hộ trình độ 9/12. Kết quả điều tra 82 người ở xã Sùng Máng trong độ tuổi trung niên cho thấy, có 63 người mù chữ; 3 người trình độ 2/12; 3 người trình độ 3/12; 4 người trình độ 4/12; 4 người trình độ 5/12; 2 người trình độ 7/12; 3 người trình độ 9/12 (UBND huyện Mèo Vạc, 2015). Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự xâm nhập và phát triển nhanh chóng của Tin Lành thời gian trước đây. Nhờ sự quan tâm của Nhà nước, chính quyền địa phương, trình độ dân trí ở tầng lớp thanh, thiếu niên của các DTTS đã được nâng cao. Hầu hết học sinh ở độ tuổi đi học đều được đến trường. Tuy nhiên, ở thế hệ trung niên và người cao tuổi thì dân trí còn rất thấp. Báo cáo của UBND Mường Nhé cho biết, những người truyền đạo, giảng đạo, đứng đầu điểm nhóm đều có trình độ văn hóa thấp, hầu hết chưa học hết phổ thông trung học. Các tín đồ chủ yếu có trình độ tiểu học và THCS, nhiều tín đồ (người già, phụ nữ và một số trẻ em) không biết chữ (UBND huyện Mường Nhé, 2020).

Tại các xã, huyện giáp biên giới, trước khi có đại dịch COVID-19, nhiều lao động sang bên kia biên giới làm ăn, chủ yếu là người Hmông và người Dao. Theo báo cáo của UBND các xã: xã Sùng Máng tháng 12/2021 còn 123 lao động đi làm bên Trung Quốc, xã Thượng Phùng có số lao động vẫn mắc kẹt ở Trung Quốc là 246 người, số lao động đã quay về Việt Nam là 289 lao động, số lao động tự do là 23 người (UBND xã Thượng Phùng, 2020, tr.9). Xã Phú Lũng (huyện Yên Minh) trước đại dịch COVID-19 có 300 lao động sang Trung Quốc (Tọa đàm giữa đoàn cán bộ Viện Dân tộc học với UBND xã Phú Lũng, tháng 3/2022). Trên thực tế, số người sang Trung Quốc lao động cao hơn rất nhiều. Trưởng thôn Sùng Lìn

(xã Phú Lũng) cho biết, thời điểm 2022 còn rất ít thanh niên ở lại thôn bản, bởi họ đã chuyển hướng từ đi làm thuê bên Trung Quốc sang đi các tỉnh, thành phố có nhiều khu công nghiệp ở trong nước như Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Giang, Bình Dương,... Những đặc điểm trên đây ở vùng biên giới thuộc hai tỉnh Điện Biên và Hà Giang nói riêng và ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc nói chung có ảnh hưởng rất lớn đến sự biến đổi tín ngưỡng, tôn giáo của các tộc người thiểu số.

2. Thực trạng biến đổi tôn giáo

Trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2020, Công giáo có 447 hộ, 2.460 giáo dân, 01 giáo xứ Điện Biên và 03 giáo họ. Tình hình sinh hoạt Công giáo diễn ra bình thường, tín đồ chủ yếu là những người có gốc đạo từ miền xuôi lên làm ăn, trình độ dân trí cao và am hiểu giáo lý, giáo luật. Phật giáo có 171 hộ, 784 phật tử, 01 Ban Trị sự cấp tỉnh. Tin Lành có 12.116 hộ, 69.635 tín đồ, ở 421 thôn/bản, 83 xã của 10 huyện, thị, thành phố, sinh hoạt ở 396 điểm nhóm. Hiện nay, có 289/396 điểm nhóm Tin Lành đã được chính quyền cơ sở cấp giấy đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung theo điểm nhóm; các điểm nhóm chưa được cấp đăng ký sinh hoạt tôn giáo vẫn tổ chức sinh hoạt tôn giáo thường xuyên tại nhà trưởng nhóm hoặc nhà của một tín đồ, có người phụ trách, hướng dẫn sinh hoạt. Các điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo tương đối ổn định và cơ bản chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Số hệ phái Tin Lành ở Điện Biên là 13 (Tỉnh ủy Điện Biên, 2020b).

Tại tỉnh Hà Giang năm 2022, Công giáo có 494 hộ/1.728 giáo dân, 03 giáo xứ. Phật giáo có 4.168 phật tử. Tin Lành có 4.504 hộ, 23.966 tín đồ, sinh hoạt ở 174 điểm nhóm, trong đó có 90/174 điểm nhóm được cấp đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (Sở Nội vụ tỉnh Hà Giang, 2022). Số hệ phái Tin Lành ở tỉnh Hà Giang là 8. Qua nghiên cứu cho thấy, những năm gần đây, Tin Lành phát triển chậm hơn, không mang tính đột biến về số lượng như trước đây, thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Tình hình phát triển đạo Tin Lành ở tỉnh Hà Giang và Điện Biên

Tỉnh	Số hệ phái		Số điểm nhóm đã đăng ký/tổng số điểm nhóm		Số hộ/tín đồ	
	2016	2022	2016	2022	2016	2022
Hà Giang	7	8	50/154	90/174	3.570/20.228	4.504/23.966
	2015	2020	2015	2020	2015	2020
Điện Biên	7	13	8/316	289/396	8.594/53.101	12.116/69.635

Nguồn: Số liệu UBND tỉnh Hà Giang và UBND Điện Biên

Theo đánh giá chung, hiện nay các điểm nhóm đã được cấp hoặc chưa được cấp đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung vẫn sinh hoạt bình thường, chính quyền địa phương tạo điều kiện để các điểm nhóm được sinh hoạt tôn giáo. Về cơ bản, các điểm nhóm đều chấp hành chủ trương chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo của Nhà nước. Thời điểm hiện tại, trên địa bàn hai tỉnh Hà Giang và Điện Biên chưa có cơ sở thờ tự của Tin Lành, các điểm nhóm mượn nhà của tín đồ làm nơi sinh hoạt tôn giáo. Theo nhận định của Ban Tôn giáo các tỉnh, mức tăng của Tin Lành trong ngưỡng ổn định dần đi vào hoạt động theo hướng tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên, qua bảng trên cho thấy, Tin Lành ở tỉnh Điện Biên tăng nhanh hơn nhiều so với tỉnh Hà Giang cả về số lượng tín đồ và số hệ phái.

Ở Hà Giang và Điện Biên, các tổ chức Tin Lành thuộc các hệ phái khác nhau tiếp tục khuyến khích trương thanh thế, tuyên truyền, lôi kéo tín đồ của nhau, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước. Chẳng hạn, điểm nhóm Tin Lành ở thôn Há Già (xã Thắng Mổ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang) trước kia theo hệ phái Liên Hữu Cơ Đốc và đã được chính quyền công nhận điểm nhóm, sau đó vì nhiều lý do khác nhau đã chuyển sang Giáo hội Giám lý liên hiệp và hiện tại chưa được chính quyền công nhận điểm nhóm. Hoạt động tôn giáo tại các điểm nhóm chưa đăng ký sinh hoạt tôn giáo diễn ra khó kiểm soát.

Bên cạnh đó, từ năm 2017 đến nay, xuất hiện xu hướng chuyển đổi từ Tin Lành sang các hiện tượng tôn giáo mới, “đạo lạ” hoặc ngược lại. Ví dụ, tại xã Na Cô Sa (huyện Nậm Pồ, Điện Biên), năm 2017 có một số tín đồ Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) chuyển sang “Giê Sùa”; đến 2020 tiếp tục chuyển sang Tin Lành Cơ đốc Phục lâm Việt Nam (UBND xã Na Cô Sa, 2020). Tại bản Sùng Pờ (xã Thắng Mổ, huyện Yên Minh, Hà Giang), một số hộ theo San Sư Khệ Tọ chuyển sang Giáo hội Tin Lành Giám lý Liên hiệp Việt Nam;...

Các tổ chức Tin Lành ở khu vực biên giới hai tỉnh Hà Giang và Điện Biên đều tăng cường củng cố tổ chức nhân sự, đào tạo, bồi dưỡng thần học cho các chức sắc, chức việc, trưởng điểm nhóm, cử người có uy tín vào địa bàn để hoạt động nhằm củng cố niềm tin tôn giáo, phát triển tín đồ, mở rộng địa bàn. Một số điểm nhóm tôn giáo sinh hoạt chưa đăng ký với chính quyền cơ sở, mượn danh xây nhà ở để xây dựng nhà cầu nguyện trái pháp luật. Đặc biệt, một số tổ chức, cá nhân nước ngoài tiếp tục có hoạt động can thiệp vào tình hình tôn giáo trên địa bàn. Đáng chú ý, một số đoàn khách quốc tế khi lên Điện Biên, đến các vùng DTTS, tôn giáo có phức tạp về an ninh trật tự dễ gặp gỡ, phỏng vấn một số đối tượng cầm đầu, đi sâu tìm hiểu tình hình, thu thập những thông tin sai lệch liên quan đến dân tộc và tôn giáo ở cơ sở, nhằm vu cáo chính quyền vi phạm tự do tôn giáo, dân chủ, nhân quyền. Ở tỉnh Hà Giang, trong những năm 1995-1996, cơ quan chức năng phát hiện một số đối tượng dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo thanh niên Hmông ở các huyện Mèo Vạc, Đồng Văn, Yên Minh... sang Trung Quốc học chữ Hmông La tinh và học Tin Lành do tổ chức phi chính phủ của người Hmông ở Mỹ đầu tư hợp tác với người Hmông Trung Quốc. Sau khi tốt nghiệp các khóa học, các đối tượng trở về Việt Nam tuyên truyền đạo trái pháp luật (Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Giang, 2016a).

Ngoài ra, một số tổ chức Tin Lành trong nước đang cố gắng mở rộng mối quan hệ với các tổ chức phản động ở nước ngoài nhằm tìm nguồn tài trợ, nâng cao vị thế. Ngược lại, có tổ chức phản động nước ngoài gồm cả người Hmông thuộc các nước Lào, Thái Lan, Trung Quốc, Việt Nam ra sức kết nối với một số đối tượng cầm đầu Tin Lành ở Việt Nam để phục vụ cho âm mưu chính trị, trong đó Thái Lan là nơi trung chuyển, họp mặt, gặp gỡ, tổ chức lớp tập huấn, đào tạo tôn giáo. Cụ thể, trong 6 tháng đầu năm 2020, cơ quan chức năng tỉnh Điện Biên đã phát hiện một số đối tượng lưu vong là người Hmông ở Mỹ, Thái Lan tiếp tục tuyên truyền, lôi kéo, tài trợ một số người cốt cán trong tôn giáo tại địa phương tham gia các lớp tập huấn về “xã hội dân sự” “tự do tôn giáo” do “Ủy ban cứu trợ người vượt biên - BPSOS” tổ chức tại Thái Lan; đồng thời chỉ đạo số đối tượng ở địa phương thu thập tài liệu để sử dụng vu cáo chính quyền Việt Nam phân biệt, đối xử người theo tôn giáo, vi phạm “dân chủ”, “nhân quyền”, “tự do tôn giáo” (Tỉnh ủy Điện Biên, 2020a, tr. 12). Cơ quan chức năng tỉnh Điện Biên đã phát hiện 8 trường hợp ra nước ngoài tham gia các khóa đào tạo tôn giáo; 111 lượt người nước ngoài gửi 1.296.769.000 VNĐ và 893 USD cho 11 đối tượng cầm đầu Tin Lành trên địa bàn tỉnh Điện Biên (UBND tỉnh Điện Biên, 2020). Tại Hà Giang, một tổ chức Tin Lành trong nước có mối quan hệ với tổ chức Tin Lành tại Mỹ do người Hmông ở Hà Giang lưu vong đứng đầu, sẵn sàng vu cáo các cơ quan chức năng trong nước.

3. Thực trạng biến đổi của tín ngưỡng truyền thống

3.1. Tín ngưỡng truyền thống của người Hmông và người Dao

Người Hmông thờ thần của cộng đồng thôn bản là thần thổ địa (thủ ti) dưới gốc cây to hoặc hòn đá lớn; một số bản thờ ông Hoàng Sín Dàn - thủ lĩnh người Hmông chống giặc Hán Cờ Vàng; hoặc thờ Giàng Chín Hùng - thủ lĩnh chống Pháp; có nơi lại thờ người có công lập nên thôn bản. Vào tháng Giêng đầu năm, người Hmông tổ chức lễ hội Nào Sông, Gầu Tào với mục đích cúng tạ trời đất, thần linh, thần thổ địa, vị thần phù hộ che chở cho dân làng và để họp bàn những việc của cộng đồng, bầu ra Lùng Thầu (người đứng đầu Giao) để điều hành công việc chung.

Trong phạm vi gia đình, người Hmông thực hiện nhiều nghi lễ thờ cúng như cúng tổ tiên, xử ca (thần nhà - cai quản mọi việc trong nhà), ma buồng, ma cột, ma bếp lò, ma bảo vệ mùa màng,... Trong năm, người Hmông thờ cúng tổ tiên vào các dịp: rằm tháng Ba (Thanh Minh), rằm tháng Năm, mùng 5 tháng Năm, rằm tháng Bảy và Tết. Người Hmông còn thờ cúng tổ tiên vào các dịp cưới xin (khi nhập ma con dâu mới về nhà chồng), tang ma (Phòng vắn ông Thào Song S., thôn Sùng Lìn, xã Phú Lũng, huyện Yên Minh). Về tín ngưỡng dòng họ, người Hmông có bốn nghi lễ chính gồm: tang ma, cúng ma bò (sau khi bố/mẹ chết được ba năm, con trai phải làm ma bò để đền ơn bố/mẹ), ma lợn (khi thầy cúng cho biết có con ma đang đòi lợn ở một gia đình), ma buồng (Vương Duy Quang, 2005, tr. 106-136).

Người Dao thờ Bàn Vương, vị thủy tổ của dân tộc, được thờ cúng chung với tổ tiên của gia đình, dòng họ. Thờ cúng Bàn Vương được coi là việc liên quan đến vận mệnh của mỗi

người, mỗi dòng họ và dân tộc Dao. Trong các nghi lễ cấp sắc, *tẩu slai*, *cháy cháu* (lễ tào mộ tượng trưng), tết nhảy, làm chay..., người Dao đều cúng Bàn Vương, nhưng Bàn Vương còn được cúng riêng, cứ ba năm cúng một lần và đã cúng thì cúng liền trong 3 năm. Có dòng họ 3 năm tổ chức cúng một lần, có dòng họ 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 1998, tr. 26-27). Người Hmông, người Dao thường thờ tổ tiên đến đời thứ ba hoặc thứ tư. Nếu nhà trưởng họ (nơi có bàn thờ Hùng Lầu), người Dao có thể thờ tổ tiên nhiều đời, như gia đình ông Chảo Sài Tờ (xã Thắng mố, huyện Yên Minh) thờ 12 đời. Thờ cúng tổ tiên của người Dao diễn ra vào các dịp: tháng Giêng (Lý Hành Sơn, 2018, tr. 294), Thanh Minh, rằm tháng Bảy và Tết. Khi cúng các ngày rằm, người Dao ở các xã biên giới (Thắng Mố, Phú Lũng) thường chọn ngày đẹp đầu tháng để cúng. Đồng bào quan niệm hết ngày 13 sang đến ngày 14 không cúng nữa, vì khi đó các bậc tổ tiên dù có tiền vàng mã cũng không thể đi mua hàng được. Các gia đình thường chọn ngày đẹp để cúng nhưng thường lịch ngày để mọi người trong bản cùng tham dự.

3.2. Bản sắc tộc người trong thực hiện nghi lễ

Việc tổ chức thực hành nghi lễ của người Hmông và người Dao khác nhau về thời gian, số lượng chủng loại lễ vật dâng cúng, thể hiện tính đặc trưng tộc người, lại có “độ khó” nhất định và mang tính bí truyền trong mỗi dòng họ, nhóm tộc người. Đối với người Hmông, đó là các nghi lễ trong tín ngưỡng dòng họ nêu trên. Việc thực hành các nghi lễ chính là nhắc lại một hệ thống các “ký hiệu” mà mỗi dòng họ từ xa xưa đã tự đặt ra để nhận biết các thành viên có cùng ma trong họ và phân biệt với các dòng họ khác. Trưởng dòng họ hoặc người phụ trách nghi lễ của dòng họ phải nắm vững các ký hiệu của từng loại lễ thức ứng với các loại ma (ma bò, ma lợn, ma buồng...), để tiến hành một cách thuần thực, tỷ mỷ và chính xác. Cụ thể, khi chuẩn bị lễ vật dâng cúng phải nắm vững từng phần thịt của con vật để lựa chọn bày cúng, số lượng phần thịt được chia, cách sắp xếp, bài trí các phần thịt, các bước cúng gắn với các bài cúng,... Chẳng hạn, tại thôn Sùng Lìn (xã Phú Lũng), họ Thào cúng ma buồng chia con lợn cúng thành 9 phần thịt, cúng ma lợn chia thành 13 phần thịt, cúng ma bò chia thành 33 phần thịt. Khi bày vật dâng lễ ma buồng, họ Thào bày chân trái của con lợn nái trước, chân phải bày sau, lần lượt đủ 9 phần như quy định. Khi cúng ma bò, họ Thào chỉ lựa chọn phần đầu bò, chân, đuôi con bò để làm lễ vật cúng, khi cắt phải cắt đúng các nhát cắt trên con vật lễ như quy định của dòng họ. Tiếp đến việc bày lễ phải xếp sừng bò và mắt trái trước sau mới đến các phần thịt khác, cuối cùng là đuôi bò, đủ 33 phần thịt bày trên lá đúng như quy định. Trong khi cúng, chủ lễ chỉ được nói tiếng dân tộc mình, nếu không sẽ mất tính thiêng. Khi cúng ma lợn, ma bò, ma buồng, mỗi dòng họ Hmông còn phải tuân thủ về thời điểm cúng, các bước cúng, tính bí mật, chỉ có những thành viên trong gia đình, dòng họ mới được tham dự, cắt đứt liên lạc với bên ngoài, kể cả điện thoại cho đến khi nghi lễ kết thúc. Các quy tắc và ký hiệu trên đây là “chìa khóa” giúp các thành viên cùng họ nhận ra nhau dù họ ở bốn phương trời và để giúp đỡ lẫn nhau.

Đối với người Dao, nghi lễ cấp sắc không chỉ đánh dấu sự trưởng thành của một người, để sau lễ được tham gia vào các công việc của cộng đồng, lập gia đình dễ dàng; được cấp tên pháp danh (tên âm), có thể trở thành thầy cúng và sau khi chết được về với tổ tiên. Người Dao Áo Dài, Dao Tiền chỉ cấp sắc cho nam giới chưa vợ, độ tuổi từ 12 đến 16 tuổi trở lên. Riêng với người Dao Tả Pan (Dao Đỏ) chỉ cấp sắc cho nam giới sau khi đã lập gia đình và có con. Theo quan niệm của người Dao Đỏ, sau lễ cấp sắc, cặp vợ chồng được cấp sắc sẽ được nhận 2 đạo sắc từ thầy cấp sắc, khi đó họ mới chính thức trở thành vợ chồng. Sau khi mất đi, mỗi người sẽ mang theo đạo sắc bên mình để sang thế giới bên kia nhận lại nhau (Phỏng vấn Tân Lá L., thôn Súa Chải, xã Thắng Mố, huyện Yên Minh).

Với ý nghĩa nêu trên, lễ cấp sắc là nghi lễ quan trọng bậc nhất đối với cuộc đời của mỗi người Dao và ai cũng muốn được thực hiện trước lúc chết. Tuy nhiên, việc thực hiện lễ cấp sắc không hề dễ dàng, ngay cả ở những gia đình có đầy đủ kinh tế. Khó khăn lớn nhất ở chỗ, lễ cấp sắc tuân thủ quy định thế hệ, thứ bậc: ông, bố, anh, em,... Do đó, nếu một người nam giới là chủ gia đình muốn cấp sắc, nhưng có ông, bố, anh chưa được cấp sắc thì người đó không thể cấp sắc; thứ nữa, để thực hiện một lễ cấp sắc đòi hỏi gia đình phải chuẩn bị rất công phu và tốn kém nhiều lễ vật (gạo, thịt, rượu, quần áo, tranh thờ, nhạc cụ truyền thống...), do đó thời gian chuẩn bị dài hay ngắn phụ thuộc vào kinh tế mỗi gia đình, có thể trong 5 năm, 10 năm hoặc lâu hơn. Bên cạnh đó, người cấp sắc còn phải chuẩn bị về kiến thức cho bản thân trước khi cấp sắc như học chữ Nôm Dao để có thể đọc các sách cúng và học các bài cúng. Việc học chữ này không hề dễ dàng đối với cả người lớn tuổi và với giới trẻ hiện nay. Ngoài ra, người chuẩn bị cấp sắc còn phải chú tâm học cúng. Thời gian trước khi cấp sắc, họ phải theo thầy cúng đi phụ việc để bước đầu học hỏi các bước thực hành nghi lễ, thuộc dần các bài cúng. Đặc biệt, ở nhóm Dao Đỏ, sau khi chuẩn bị đủ các điều kiện cho lễ cấp sắc, còn phải chờ đến khi xuất hiện hiện tượng lợn nái nuôi trong gia đình chỉ đẻ một cặp (2 con) mới được phép làm lễ cấp sắc (Phỏng vấn ông Tân Lá L., xã Thắng Mố).

Những tư liệu trên cho thấy, một mặt các tín ngưỡng của người Hmông và người Dao đã được hình thành lâu đời, tạo nên bản sắc văn hóa độc đáo của tộc người, mặt khác độ khó của quá trình chuẩn bị và tổ chức thực hành nghi lễ đúng với nguyên bản là rào cản đối với các thế hệ trẻ tiếp nối trong điều kiện ngày nay. Bên cạnh đó, sự tốn kém về kinh tế cho hơn một chục nghi lễ lớn, nhỏ trong năm, nhất là khi có đám tang hay lễ cấp sắc đã làm cho kinh tế người dân ngày càng khó khăn. Trên thực tế, có những đám tang của người Hmông sử dụng hết 16 con bò, 12 con lợn; đám cấp sắc tùy vào số lượng người được cấp sắc, ít nhất từ 10 đến 15 triệu đồng, 3 con lợn, chưa kể các lễ vật khác (Tọa đàm giữa đoàn cán bộ Viện Dân tộc học với Sở Nội vụ tỉnh Hà Giang, tháng 3/2022).

3.3. Sự suy giảm tín ngưỡng truyền thống của người Hmông, người Dao

Độ khó khi thực hành tín ngưỡng truyền thống và những chi phí tốn kém khi thực hiện đã góp phần làm tín ngưỡng truyền thống của người Hmông, người Dao suy giảm. Bằng chứng là ở một số địa phương, tín ngưỡng truyền thống đã phải nhường chỗ cho tôn giáo mới (Tin Lành, đạo lạ). Một bộ phận người Hmông, người Dao ở miền núi phía Bắc nói chung và ở khu vực biên giới nói riêng đã theo Tin Lành, bỏ tín ngưỡng truyền thống. Khảo sát người Hmông ở huyện Mường Nhé (tỉnh Điện Biên), người Dao và người Hmông ở các huyện Mèo Vạc, Yên Minh (tỉnh Hà Giang) cho thấy, nguyên nhân chính của việc theo Tin Lành là do: (i) Việc thờ cúng tổ tiên quá tốn kém, mất nhiều tiền; (ii) Nhiều người không biết cúng tổ tiên; (iii) Không có thầy cúng; (iv) Quá nghèo khổ nên muốn được Chúa cứu vớt.

Khảo sát tại hai xã Thắng Mố và Phú Lũng cho thấy, tín ngưỡng truyền thống của người Hmông ở đây chậm đổi mới, còn lưu giữ nhiều nghi lễ rườm rà, không còn phù hợp, như tục bón cơm cho người chết, để người chết lâu ngày (người Hmông, người Dao), nghi lễ thực hành kéo dài trong nhiều ngày, nặng về vật chất... là những nguyên nhân để Tin Lành, “đạo lạ” San Sư Khệ Tọ xâm nhập. Những thôn bản theo tín ngưỡng truyền thống dọc biên giới đang trong tình trạng mất đi những nghi lễ cộng đồng làng bản (thờ thổ thần, thổ địa), nghi lễ nông nghiệp, cúng cơm mới,... Bên cạnh đó, nhiều nghi lễ mang dấu ấn bản sắc tộc người như lễ cấp sắc, cúng Bàn Vương (của người Dao); lễ hội Gầu Tào, Nào Sòng (của người Hmông) đang mất đi. Đội ngũ thầy cúng tại địa bàn cũng thiếu hụt nghiêm trọng do không có người kế tục. Các bản của người Dao thuộc xã Thắng Mố không có thầy cúng, thầy cấp sắc; các bản của người Hmông ở xã Phú Lũng chỉ còn 3 thầy cúng người Hmông và 01 thầy cúng người Dao đã cao tuổi, già yếu. Vào các dịp lễ tết, cả bản Súa Chải của người Dao xã Thắng Mố phải mời các thầy cúng từ nơi khác đến cúng cho tất cả các gia đình trong bản, bởi không ai biết cúng. Ngay cả những gia đình có bàn thờ Hùng Lầu (bàn thờ dòng họ có ba chân), hay bàn thờ *xèng pài* (bàn thờ bằng ống mai), gia chủ cũng không thể tự cúng được mà phải nhờ thầy cúng ở nơi khác hoặc thầy cúng bên Trung Quốc (Phòng văn Chảo Văn A., xã Phú Lũng; Chảo Sài T., Chảo Lá S., Tản Lá L., xã Thắng Mố). Hiện nay, Trung Quốc xây dựng hàng rào biên giới nên việc tìm thầy cúng từ Trung Quốc không thực hiện được.

3.4. Sự khôi phục một số lễ hội cộng đồng

Trước thực trạng trên, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hà Giang đã ban hành nhiều văn bản và thực hiện nhiều chính sách để giữ gìn phong tục tập quán truyền thống của các dân tộc. Tỉnh đã xây dựng Đề án thành lập *Hội Nghệ nhân dân gian* và ban hành Chỉ thị 09, triển khai đến các huyện và các xã. Mô hình này lập ra với mục đích quy tụ những thầy mo, thầy tào, thầy cúng..., giữ chân họ lại, định hướng thực hiện các nghi lễ cưới xin, ma chay nhanh gọn, tiết kiệm... tránh gây lãng phí thời gian và vật chất của người dân. Tỉnh Hà Giang cũng đã triển khai việc đưa văn hóa truyền thống của các DTTS vào giảng dạy trong các trường học, để học sinh hiểu và giữ gìn văn hóa truyền thống. Các huyện Yên Minh, Mèo Vạc đang vận động tổ chức tang ma ngắn ngày, không giết mổ nhiều trâu bò. Một số xã hàng năm khôi

phục lễ truyền thống của các dân tộc như: Gầu Tào của người Hmông, cấp sắc của người Dao, Lồng tồng của người Tày,... Một số lễ hội như “Chợ phong lưu” Khâu Vai (huyện Mèo Vạc), lễ hội cúng thần Giàng, cúng thần Nước, cúng thần Rừng được khôi phục. Huyện Đồng Văn đã khảo sát 10 làng văn hóa đặc trưng của các dân tộc để thực hiện việc bảo tồn, tiến tới xây dựng một số làng văn hóa du lịch tiêu biểu của dân tộc Hmông, Giáy, Lô Lô, Tày,... Xã Phú Lũng (huyện Yên Minh) đang thực hiện đề án hỗ trợ nghệ nhân dân gian theo chỉ đạo của tỉnh và huyện. Một lớp học chữ Nôm, học cúng gắn với thực hành khi có các đám tang của người Dao đã được mở ra gần UBND xã. Tuy nhiên, việc khôi phục lễ hội mới chỉ diễn ra ở những địa phương có thể mạnh về du lịch, trong khi phần lớn bản làng khu vực biên giới có địa hình phức tạp, không có tiềm năng về du lịch... thì tín ngưỡng truyền thống vẫn đang dần bị mất đi. Hiệu quả của các lớp học chữ Nôm Dao, học cúng của người Dao chưa được như mong muốn và còn nhiều vấn đề cần thảo luận. Sự rút gọn các nghi lễ trong lĩnh vực tang ma, cưới xin, cấp sắc... chủ yếu là rút ngắn thời gian cử hành nghi lễ (vẫn giữ nguyên các bước) và giảm các lễ vật. Tuy nhiên, sự phức tạp trong cách thực hành các nghi lễ mang đặc trưng bản sắc tộc người chưa được bàn tới. Đây cũng là nguyên nhân khiến nhiều người, nhất là giới trẻ không mặn mà với tín ngưỡng truyền thống.

4. Thực trạng biến đổi hiện tượng tôn giáo mới, đạo lạ

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Điện Biên có 152 người theo Tâm linh Hồ Chí Minh; 01 người theo Pháp môn diệu âm; 58 người luyện tập Pháp luân công; 16 hộ (137 người) theo Giê Sù; 44 hộ (227 người) theo Bà Cô Dợ; 17 người tin theo Hội thánh của Đức Chúa Trời Mẹ (Tỉnh ủy Điện Biên, 2020b). Đáng chú ý, Giê Sù và Bà Cô Dợ xuất hiện ở người Hmông tại nhiều tỉnh miền núi phía Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Thanh Hóa, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái) vào các năm 2015-2017. Tại tỉnh Điện Biên, các huyện Mường Nhé, Nậm Pồ, Mường Chà, Tuần Giáo, Điện Biên Đông là nơi các “đạo lạ” ảnh hưởng mạnh. Tuy xuất hiện một thời gian ngắn nhưng mức độ ảnh hưởng của Giê Sù và Bà Cô Dợ khá nhanh và rộng trong đồng bào Hmông.

Đạo lạ Giê Sù do Hờ Chá Sùng (khoảng 50 tuổi) là người Hmông có quê gốc ở huyện Phôn Xa Vẳn (tỉnh Xiêng Khoảng, Lào), hiện đang sinh sống ở Tiểu bang California (Mỹ) truyền bá. Nội dung xuyên tạc Kinh thánh (không thừa nhận tên Chúa Giêsu mà gọi là “Giê Sù”, không thừa nhận các nhân vật Adam, Eva mà thay thế bằng nhân vật chàng Ong và cô Ấa theo truyền thuyết của người Hmông, không tổ chức các lễ Giáng sinh, Phục sinh...). Hờ Chá Sùng tự nhận là người đưa tin của Chúa “Giê Sù”, biết trước về ngày Chúa “Giê Sù” sẽ tái lâm và làm vua của dân tộc Hmông. Ai tin tưởng đi theo Chúa “Giê sù” thì có được đất nước riêng của người Hmông, cuộc sống sẽ ấm no, hạnh phúc,...

Đạo lạ Bà Cô Dợ do Vừ Thị Dợ (sinh năm 1978), người Hmông Mỹ, hiện đang sống tại Tiểu bang Wiscosin (Mỹ) sáng lập ra nhóm có tên là “Đức Chúa trời yêu thương chúng ta” (tên gọi khác là Bà Cô Dợ). Nội dung tuyên truyền rằng, Cứ A Lông (con của Vừ Thị Dợ),

sinh năm 2000 chính là Chúa Giêsu tái lâm và đến năm 2018 (khi đủ 18 tuổi) sẽ làm vua của người Hmông. Vừ Thị Dợ tự nhận mình là “người được Chúa Trời chọn” để tái lâm lần thứ 2.

Giê Sùa và Bà Cô Dợ đều sử dụng những phương tiện truyền thông làm phương thức tuyên truyền, do các đối tượng ở Mỹ truyền vào. Các đối tượng cốt cán bên Mỹ thường xuyên đăng tải những đoạn video clip trên Internet, tuyên truyền, lôi kéo người Hmông tham gia. Thời gian gần đây, một số đối tượng cầm đầu theo “Bà Cô Dợ” ở Mỹ đã sử dụng ứng dụng Zoom, tạo phòng họp trực tuyến để tuyên truyền, giảng đạo. Phòng Zoom nói trên mỗi buổi có khoảng hơn 100 người Hmông ở một số nước như Mỹ, Pháp, Lào... và các tỉnh Điện Biên, Lào Cai, Lai Châu, Bắc Kạn, Đắk Lắk... (Việt Nam) tham gia. Bên cạnh đó, Giê Sùa và Bà Cô Dợ đều dùng tiền để lôi kéo tín đồ. Theo cơ quan chức năng tỉnh Điện Biên, Vừ Thị Dợ đã 22 lần gửi tiền với tổng số hơn 600 triệu đồng cho đối tượng cầm đầu trong tỉnh tuyên truyền, lôi kéo người tham gia, mua sắm trang thiết bị; một số người còn được hưởng tiền lương từ 600 - 800 nghìn đồng/tháng (UBND tỉnh Điện Biên, 2020).

Theo các cơ quan chức năng, thực chất Hờ Chá Sùng, Vừ Thị Dợ và các đối tượng cốt cán khác muốn lợi dụng tôn giáo để lôi kéo, tập hợp lực lượng, âm mưu thành lập nhà nước Hmông. Với mục đích đó, việc tuyên truyền luôn gắn với kích động người Hmông tham gia hoạt động ly khai, tự trị như: *“Đức Chúa Trời Giê Hô Va đã chia đất cho người Mông, nhưng người Mông không đoàn kết nên đất đai đã bị nước khác xâm chiếm, người Mông không có lãnh thổ, nhà nước riêng, suốt đời đi làm thuê cho các dân tộc khác. Hờ Chá Sùng chính là người đưa tin Chúa “Giê Sùa” và biết trước về ngày Chúa “Giê Sùa” sẽ tái lâm trong thời gian tới và sẽ làm vua dân tộc Mông. Ai tin tưởng đi theo “Chúa Giê Sùa” thì có được đất nước riêng của người Mông, cuộc sống sẽ ấm no hạnh phúc”* (UBND tỉnh Điện Biên, 2020). Với nội dung tuyên truyền trên, Giê Sùa ở thời điểm cao nhất lôi kéo được 199 hộ (1.229 người) ở 28 bản, 15 xã, 5 huyện tin theo với 54 đối tượng cầm đầu, cốt cán. Bà Cô Dợ có 55 hộ (330 người) ở 10 bản, 07 xã, 3 huyện tin theo với 8 đối tượng cầm đầu cốt cán (UBND tỉnh Điện Biên, 2020). Sự xuất hiện của Giê Sùa và Bà Cô Dợ không chỉ làm gia tăng phức tạp tình hình tín ngưỡng, tôn giáo mà còn ảnh hưởng tới an ninh, trật tự của địa phương. Cụ thể, Vừ Thị Dợ công khai chỉ trích một mục sư của Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) ở xã Nậm Nhừ (huyện Nậm Pồ) và một số mục sư Tin Lành khác ở Mỹ là tà giáo, kêu gọi người Hmông không tin những mục sư trên. Khi đại dịch COVID-19 bùng phát, ở Việt Nam tiến hành tiêm phòng dịch cho người dân, nhưng Vừ Thị Dợ kêu gọi người Hmông không đi tiêm Vắc-xin.

Ngoài ra, do ảnh hưởng của các “đạo lạ”, tại các huyện Mường Nhé và Nậm Pồ đã ghi nhận hàng loạt sự chuyển đổi tôn giáo rất phức tạp từ các hệ phái của Tin Lành sang Giê Sùa và Bà Cô Dợ, sau đó tiếp tục lại chuyển sang các hệ phái Tin Lành khác hoặc ngược lại. Chẳng hạn, cuối tháng 2/2020, huyện Nậm Pồ phát hiện 02 hộ 18 nhân khẩu sinh sống tại xã Nậm Nhừ, Chà Cang trước đây theo Bà Cô Dợ, sau đó chuyển sang Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc), nhưng sau đó lại quay lại Bà Cô Dợ (UBND huyện Nậm Pồ, 2020). Hoặc

tại 3 xã bị ảnh hưởng của Giê Sùa nhiều nhất là xã Na Cô Sa, Chà Cang, Vàng Đán, khi chính quyền đấu tranh, vận động, họ không trở lại hệ phái Tin Lành cũ mà quay sang hệ phái Cơ đốc Phục lâm (Tọa đàm giữa đoàn cán bộ Viện Dân tộc học với UBND huyện Mường Nhé, tháng 8/2020). Chính quyền huyện Mường Nhé cũng chia sẻ về những lo ngại khi các “đạo lạ” nêu trên dùng tiền lời kéo các tín đồ, gây khó khăn cho công tác tuyên truyền, vận động người dân không tham gia “đạo lạ” hoặc quay trở lại tôn giáo cũ (UBND huyện Mường Nhé, 2020).

Tại Hà Giang, năm 2022 trên địa bàn tỉnh có 5.134 người theo San Su Khe Tọ; 43 người theo Ngọc Phật Hồ Chí Minh; 12 người theo Pháp môn Diệu âm; 16 người theo Hội thánh Đức Chúa Trời Mẹ; 13 người theo Pháp luân công (Sở Nội vụ tỉnh Hà Giang, 2022). Tại khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, San Su Khe Tọ xâm nhập vào hai tộc người Hmông và Dao. Theo Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Giang, năm 1996 xuất hiện hiện tượng treo tấm vải đỏ trên có hình chữ thập ở trần Thờ Phụng (Trung Quốc). Tại đây, một số đối tượng là người Hán, Hmông (Trung Quốc) đã tiến hành mở lớp giảng dạy và tuyên truyền San Su Khe Tọ. Sau đó, những đối tượng này lợi dụng mối quan hệ thân tộc và sự sơ suất của chính quyền địa phương của Việt Nam, đã qua cửa khẩu Săm Pun, xâm nhập vào địa bàn hai xã Thượng Phụng, Xín Cái (huyện Mèo Vạc), lôi kéo một số đối tượng sang Trung Quốc học San Su Khe Tọ. Năm 1997, những đối tượng đi học bên Trung Quốc về tổ chức tuyên truyền đạo trên địa bàn các xã Thượng Phụng, Xín Cái. Đến năm 1999, phát triển mạnh hơn do các đối tượng là người Trung Quốc bí mật sang Việt Nam tuyên truyền trong dân, nhanh chóng lan sang các địa bàn khác trong huyện. Để phát triển thuận lợi, những đối tượng này tìm đến những người có uy tín (các thầy cúng, thầy khèn, thầy mo, già làng, trưởng bản). Năm 2016, San Su Khe tọ đã lôi kéo được 105 hộ/619 khẩu tin theo (Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Giang, 2016b).

Tại các xã Phú Lũng, Thắng Mố (huyện Yên Minh), San Su Khe Tọ truyền vào sớm hơn, từ những năm 1990 theo hai hướng: do người Trung Quốc tuyên truyền và qua đài phát thanh từ Malina, Philippines. Những người theo San Su Khe Tọ bỏ hết phong tục tập quán, tín ngưỡng truyền thống (bỏ bàn thờ, cúng các ma), thực hiện treo miếng vải đỏ có chữ thập ở trong nhà, cầu nguyện Chúa San Su ngày 3 lần vào trước các bữa ăn, chỉ cầu nguyện tại nhà riêng, không tụ tập thành điểm nhóm, nhưng đến cuối tuần anh em, họ hàng tụ họp để cùng nhau làm lễ. Mỗi người theo San Su Khe Tọ chỉ được ăn mỗi bữa 1,5 lạng gạo trở xuống, bởi theo quan niệm, ăn nhiều hơn Chúa sẽ không phù hộ. San Su Khe Tọ không có kinh sách riêng, mà sử dụng Kinh thánh bằng chữ Hmông La tinh để tự học và không thực hiện các nghi lễ như Tin Lành. San Su Khe Tọ tại Hà Giang hiện nay hoạt động ổn định, không vi phạm các quy định hoạt động tôn giáo của nhà nước và chính quyền địa phương. Tuy nhiên, một số người theo San Su Khe Tọ ở thôn Sủng Pờ (xã Thắng Mố) đang có xu hướng chuyển sang Tin Lành (hệ phái Giám Lý Liên hiệp) do sự vận động, thu nạp của người đứng đầu điểm nhóm.

Các cơ quan chức năng cho biết, San Su Khê Tọ đã xâm nhập vào địa bàn hơn 20 năm nay nên việc vận động bà con trở về tín ngưỡng truyền thống là rất khó.

Kết luận

Bức tranh về tôn giáo, tín ngưỡng của hai dân tộc Hmông và Dao ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc đã hình thành. Trong đó, Tin Lành đi vào hoạt động ổn định, tuân thủ các quy định của nhà nước và chính quyền địa phương. Những chỉ báo về số lượng tín đồ, các hệ phái, số điểm nhóm cho thấy Tin Lành vẫn tiếp tục phát triển ở hai tỉnh Điện Biên và Hà Giang. Tuy nhiên, ở tỉnh Điện Biên, Tin Lành phát triển nhanh hơn và phức tạp hơn bởi có sự can thiệp ngày càng tinh vi của các tổ chức nước ngoài.

Tín ngưỡng truyền thống vẫn được duy trì ở đại đa số cư dân các DTTS vùng biên giới ở tỉnh Hà Giang, song đang bị mai một dần, một số nghi lễ bị mất bởi nhiều lý do khác nhau (chiến tranh biên giới, Tin Lành đã thu nạp một lượng lớn thầy mo, thầy cúng; giới trẻ đi làm ăn xa, không mặn mà với tín ngưỡng truyền thống...). Điều này không chỉ dẫn đến hệ lụy đời sống người dân ngày càng nghèo nàn về mặt tinh thần mà sẽ là cánh cửa mở rộng để cho tôn giáo, “đạo lạ” xâm nhập. Trước thực trạng đó, Nhà nước, chính quyền địa phương tỉnh Hà Giang tập trung khôi phục lễ hội truyền thống của các dân tộc gắn với du lịch cộng đồng, thành lập Hội nghệ nhân dân gian để tranh thủ họ truyền dạy nghề thầy mo, thầy cúng, bảo tồn văn hóa truyền thống của dân tộc. Tuy nhiên, số các thôn bản bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc vẫn chưa nhiều và thường chỉ ở những nơi thuận lợi về giao thông, có tiềm năng du lịch. Nhiều bản vùng biên giới có cuộc sống khó khăn chưa được chú ý. Kinh phí đầu tư cho các nghệ nhân dân gian (trong đó có thầy mo, thầy cúng) còn rất ít ỏi, việc truyền nghề còn chưa hiệu quả, công việc chính của các thầy cúng mới chỉ bước đầu tập trung tuyên truyền để rút ngắn thời gian và giảm gánh nặng tài chính trong tang ma, cưới xin, cấp sắc,... Hiện nay, hoạt động tôn giáo ở vùng đồng bào DTTS đang rất sôi động, nhất là ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Bên cạnh đạo Tin Lành đang chiếm ưu thế với hàng chục hệ phái khác nhau, còn có hàng chục “đạo lạ” khác. Tín ngưỡng truyền thống đang đứng trước sự lựa chọn: đổi mới để phát triển hay tiếp tục bị Tin Lành, “đạo lạ” xâm nhập. Như vậy, bên cạnh sự cắt giảm thủ tục, thời gian và vật chất của các nghi lễ, cần phải có bước thay đổi đột phá trong tư duy, thế giới quan của những người tin theo nhằm làm mới tín ngưỡng, nhưng vẫn giữ được cốt lõi của bản sắc văn hóa dân tộc. Để làm được điều này, rất cần nhà nước, chính quyền địa phương, các cơ quan liên quan quan tâm, đầu tư hơn nữa, và quan trọng hơn người dân (chủ thể văn hóa) cần mạnh dạn thay đổi tín ngưỡng cho phù hợp với cuộc sống hiện đại.

Hiện tượng tôn giáo mới, “đạo lạ” xuất hiện ngày càng nhiều trong thời gian gần đây làm cho bức tranh tôn giáo, tín ngưỡng vùng DTTS biên giới thêm đa dạng và phức tạp. Một số “đạo lạ” như Giê Sùa, Bà Cô Dợ gắn với những mưu đồ chính trị, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương và quốc phòng biên giới. Việc tuyên truyền ngày càng tinh vi, lợi dụng công nghệ cao gắn với những lợi ích vật chất, khiến cho quá trình tuyên truyền nhanh

hơn, hiệu quả hơn, ảnh hưởng sâu rộng hơn và khó phát hiện, càng làm cho công tác tuyên truyền, vận động và đấu tranh phòng chống của địa phương gặp nhiều khó khăn.

Trước đây sự chuyển đổi tín ngưỡng, tôn giáo ở vùng đồng bào DTTS, nhất là vùng biên giới diễn ra theo hướng từ tín ngưỡng truyền thống sang Tin Lành, thì hiện nay diễn ra xu hướng đa chiều, phức tạp hơn. Bên cạnh xu hướng tiếp tục chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống sang Tin Lành, “đạo lạ”, giữa các hệ phái của Tin Lành đã xuất hiện xu hướng mới chuyển từ Tin Lành sang “đạo lạ” hoặc ngược lại. Trong khi đó, từ Tin Lành, “đạo lạ” quay trở về tín ngưỡng truyền thống rất ít và không bền vững, thường do sự tuyên truyền, vận động của chính quyền địa phương. Bên cạnh đó, con đường tuyên truyền cũng diễn ra từ nhiều phía: trực tiếp từ Philippines hoặc Trung Quốc sang, hiện nay được truyền trực tiếp từ Mỹ về hoặc từ Mỹ qua các nước trung gian (Philippines, Trung Quốc, Thái Lan) rồi vào Việt Nam.

Tính quốc tế của các tôn giáo, “đạo lạ” ngày càng mạnh mẽ, hình thành nên cộng đồng tôn giáo - dân tộc liên biên giới, xuyên quốc gia. Việc tuyên truyền hiện nay không cần đến giáo sĩ, giáo sở, nhưng nhờ công nghệ thông tin (mở phòng họp Zoom), các đối tượng từ nước ngoài có thể truyền trực tiếp hình ảnh ở các quốc gia khác nhau, khiến cho những người theo tôn giáo, “đạo lạ” tin tưởng và được cổ vũ, kích lệ tinh thần, mà Bà Cô Dợ là ví dụ. Mặt khác, các tổ chức tôn giáo, “đạo lạ” trong nước cũng tích cực tìm sự liên kết với đồng đạo ở nước ngoài nhằm khẳng định tầm ảnh hưởng và tìm kiếm nguồn tài trợ.

Thực trạng trên đặt ra cho các cơ quan quản lý nhà nước cần phải có những thay đổi nhận thức, cũng như cách quản lý mới trong bối cảnh các thế lực nước ngoài âm mưu tôn giáo hóa vùng DTTS, thành lập nhà nước liên khu vực. Vùng miền núi phía Bắc nước ta nói chung, vùng biên giới nói riêng là địa bàn đa tộc người, cũng đa dạng, phức tạp về tôn giáo, tín ngưỡng, tiềm ẩn các vấn đề phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực trạng này đang diễn ra trong bối cảnh, tín ngưỡng truyền thống các dân tộc vùng biên giới đang bị suy giảm, do đó đặt ra yêu cầu Nhà nước và chính quyền địa phương cần chú trọng bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc phù hợp và hiệu quả hơn, trong đó có tín ngưỡng truyền thống.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Dân tộc tỉnh Hà Giang (2022), *Báo cáo tham luận: Thực trạng tín ngưỡng truyền thống chuyển sang đạo Tin Lành và hiện tượng tôn giáo mới, đạo lạ hiện nay của dân tộc Mông, Dao trên địa bàn tỉnh Hà Giang*, ngày 28/03/2022, Bản đánh máy.
2. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Giang (2016a), *Về tác động của đạo Tin Lành đến văn hóa, xã hội của người Dao và người Mông trên địa bàn tỉnh và tác động của Chỉ thị 01/2005 đến quản lý vấn đề Tin Lành của người Dao và người Mông ở khu vực biên giới*, Bản đánh máy.

3. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Giang (2016b), *Báo cáo kết quả khảo sát thực trạng tình hình và hoạt động của một số công dân theo đạo không rõ hệ phái trên địa bàn đồn biên phòng Săn Pun, giai đoạn II*, Phòng Chính trị, tháng 2/2016.
4. Vương Duy Quang (2005), *Văn hóa tâm linh của người Hmông ở Việt Nam: Truyền thống và hiện tại*, Nxb. Văn hóa - Thông tin & Viện Văn hóa, Hà Nội.
5. Sở Nội vụ tỉnh Hà Giang (2022), *Báo cáo phục vụ đoàn công tác Viện Dân tộc học về tình hình tín ngưỡng, tôn giáo và đạo Tin Lành trên địa bàn tỉnh Hà Giang*, ngày 28/03/2022, Bản đánh máy.
6. Lý Hành Sơn (2018), “Dân tộc Dao”, trong Vương Xuân Tình Chủ biên: *Các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia sự thật, tập 4, quyển 1, tr. 177 - 306.
7. Tỉnh ủy Điện Biên (2020a), *Báo cáo kết quả xử lý các vấn đề phức tạp về tôn giáo 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2020*, tháng 6/2020, Bản đánh máy.
8. Tỉnh ủy Điện Biên (2020b), *Báo cáo sơ kết công tác dân tộc, tôn giáo 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2020*, tháng 6/2020, Bản đánh máy.
9. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia (1998), *Kỷ yếu Hội thảo “Sự phát triển văn hóa xã hội của người Dao: Hiện tại và tương lai”*, Công ty in Công đoàn Việt Nam.
10. Ủy ban nhân dân huyện Mèo Vạc (2015), *Hệ thống câu hỏi phỏng vấn một số cá nhân khi khảo sát điểm ngày 6/5/2015*, Ban Chỉ đạo công tác tôn giáo, Hà Giang.
11. Ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé (2020), *Báo cáo tình hình hoạt động tôn giáo nói chung và đạo Tin Lành nói riêng trên địa bàn huyện Mường Nhé*, tháng 8/2020, Bản đánh máy.
12. Ủy ban nhân dân huyện Nậm Pồ (2020), *Báo cáo số 146/BC-UBND về Tình hình, kết quả công tác quản lý nhà nước về tôn giáo 6 tháng đầu năm 2020*, Số 01/BC-PNV, ngày 18/05/2020.
13. Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên (2020), *Nội dung trao đổi về tình hình hoạt động tôn giáo và công tác đảm bảo an ninh tôn giáo trên địa bàn tỉnh Điện Biên (Phục vụ làm việc với đoàn công tác của Viện Dân tộc học)*, Bản đánh máy.
14. Ủy ban nhân dân xã Na Cô Sa (Số 91/BC-UBND, 2020), *Báo cáo công tác quản lý nhà nước về tôn giáo trên địa bàn xã Na Cô Sa*, ngày 11/08/2020.
15. Ủy ban nhân dân xã Thượng Phùng (2020), *Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020. Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2021*, Số 225/BC-UBND, Bản đánh máy.
16. Ủy ban nhân dân xã Sủng Máng (2021), *Báo cáo kết quả công tác tôn giáo trên địa bàn xã Sủng Máng, huyện Mèo Vạc*, Số 557/BC-UBND, Bản đánh máy.